

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-PT
Ngày 30-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Thư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Tăng

Ông Lý Thành Lê

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018.

Do bản án sơ thẩm số 50/2018/HNGĐ-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1090 /2018/QĐPT-HNGĐ ngày 02/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Tấn V, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 23/21 Đường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 23/21 Đường T, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Hiện đang ở tại: Thôn T, xã G, huyện S, Bình Định

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn - Anh Phạm Tấn V

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 31/01/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Tấn V trình bày:

Tôi và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào 2014, tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố K, tỉnh KonTum. Sống hạnh phúc tại số nhà 23/21 Đường T, thành phố K, tỉnh KonTum, đến tháng 05/2015 sinh được 01 người con tên Phạm Tấn An K. Cuối năm 2017 tôi phát hiện chị T có quen biết một người đàn ông khác, hay đi chơi khuya, không lo lắng cho gia đình. Giữa hai chúng tôi nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm rạn nứt, hay cãi nhau cuộc sống không hạnh phúc. Nay tôi không còn tình cảm gì với chị T và không thể sống chung được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Phạm Tấn An K, sinh ngày 16/5/2015; sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 02/5/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn như anh V trình bày là đúng. Tôi và anh V tìm hiểu 02 năm và kết hôn đã được 03 năm, có với nhau 01 đứa con trai. Quá trình tìm hiểu và sống chung vợ chồng tôi không mâu thuẫn gì nhiều, đến năm 2016 vì nợ nần mà mỗi người một công việc làm để trả nợ. Công việc tôi làm ở quán hát nên có đi làm về khuya nên anh V cảm thấy khó chịu. Bên cạnh đó anh V không lo làm ăn, hay nhậu nhẹt, chơi điện tử và không lo cho con cái và gia đình. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng tôi ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Vì vậy tôi đồng ý ly hôn anh V nhưng không đồng ý để anh V nuôi con, tôi đề nghị được quyền nuôi con chung vì tôi cũng có chỗ ở, có thu nhập ổn định do đang đi làm thuê, lương bình quân khoảng 05 triệu đồng.

Tại bản án số 50/2018/HNGĐ-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử : Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” của anh Phạm Tấn V.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thỏa thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Tấn V và chị Nguyễn Thị Cẩm T

- Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Tấn An K, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Tấn V không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật

Ngày 06/8/2018, nguyên đơn - anh Phạm Tấn V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử công nhận cho anh V được quyền nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn có ý kiến: tôi vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, tại đơn kháng cáo do không hiểu rõ nội dung bản án nên trong đơn kháng cáo tôi viết kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, tôi xin thay đổi nội dung kháng cáo là chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử giao con chung cho tôi nuôi; tôi không kháng cáo về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa tôi và chị T của bản án sơ thẩm.

Bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Kon Tum:

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 285, 287, 290, 292 Bộ luật Tố tụng dân sự; hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Xét về điều kiện nhân thân, hoàn cảnh gia đình và thu nhập của anh V và chị T đều đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, con chung cháu Phạm Tấn An K tính đến ngày xét xử sơ thẩm mới 38 tháng tuổi, đến ngày xét xử phúc thẩm là 42 tháng tuổi, cháu còn rất nhỏ, từ ngày bố mẹ ly thân đến giờ cháu K sống với mẹ, anh V cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc chị T chăm sóc con không tốt, vì vậy để cháu phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở.

Tại phiên tòa hôm nay, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 02 triệu đồng/tháng, chị T đồng ý việc cấp dưỡng này, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh V, không chấp nhận kháng cáo của anh V về việc yêu cầu được nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của anh Phạm Tấn V còn trong thời hạn luật định; tại phiên tòa phúc thẩm, anh V không rút đơn khởi kiện. Anh V thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị T và anh V đều có hộ khẩu thường trú tại số nhà 23/21 Đường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Tại thời điểm Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum thụ lý vụ án, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở huyện T, tỉnh Bình Định nhưng chưa chuyển hộ khẩu và không khai báo tạm trú tại nhà mẹ đẻ. Hai bên đương sự thỏa thuận thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố K giải quyết vụ án nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố K giải quyết theo điểm b khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa, anh V thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Xét việc thay đổi nội dung kháng cáo của anh V không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét nội dung kháng cáo của anh V thấy: về điều kiện nuôi con chung thì cả anh V và chị T đều có thu nhập trung bình ngang nhau, hiện tại đều ở chung với bố mẹ đẻ, đều đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, con chung là cháu Phạm Tấn An K sinh ngày 16/5/2015, tính đến ngày xét xử sơ thẩm mới được 38 tháng tuổi, còn quá nhỏ nên hơn hết cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ người mẹ, mặt khác từ ngày 2 vợ chồng sống ly thân đến nay cháu K luôn ở với mẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh V về việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 02 triệu đồng/tháng, chị T đồng ý với việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh V. Xét sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh V không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này và sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Vì bản án sơ thẩm bị sửa nên anh V không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Phạm Tấn V về việc nuôi con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Tấn V về việc cấp dưỡng nuôi con.

Sửa bản án sơ thẩm số 50/2018/HNGĐ-ST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum về phần cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về nuôi con chung*: Giao con chung Phạm Tấn An K, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Tấn V về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Tấn An K 2 triệu đồng/tháng, bắt đầu từ ngày 01/12/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh V có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh V không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Phạm Tấn V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sơ thẩm, tổng cộng 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai AA/2014/0002188 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Anh V còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- CQCSĐT CA tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Luật sư;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Thư

